|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LONG BIÊN**  **TỔ: TỰ NHIÊN**   |  | | --- | | **Đề số 1** | | **ĐỀ THI HỌC KÌ II MÔN ĐỊA LÍ NĂM HỌC: 2017 - 2018**  Lớp: 7  Tiết (ppct): 70  Thời gian làm bài: 45 phút  Ngày thi: 20/ 4/ 2018 |

**I.Trắc nghiệm: (3 điểm)**

***Chọn và ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước những câu trả lời đúng:***

**Câu 1. Lục địa Ô-xtrây-li-a nổi tiếng thế giới vì sự độc đáo của:**

1. Các loài thú có túi C. Nhiều loài thú quí hiểm
2. Rất nhiều loài bạch đàn D. Nhiều loài bò sát

**Câu 2: Nhiều nước ở Trung và Nam Mĩ chỉ trồng một vài loại cây công nghiệp và cây ăn quả do:**

1. Điều kiện tự nhiên thuận lợi C. Lệ thuộc vào tư bản nước ngoài
2. Thiếu lực lượng lao động D. Sự lạc hậu về khoa học- kĩ thuật

**Câu 3: Hoạt động chủ yếu của con người ở Châu Nam Cực là:**

1. Đánh bắt cá và chăn nuôi tuần lộc C. Nghiên cứu khoa học
2. Khai thác khoáng sản D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Câu 4:** **Phía Tây châu Âu có khí hậu ẩm, mưa nhiều hơn phía Đông vì:**

1. Phía tây có dòng biển nóng Bắc Đại Tây dương chảy ven bờ.
2. Gió Tây ôn đới thường xuyên mang hơi ẩm vào đất liền.
3. Bờ biển bị cắt xẻ mạnh, ảnh hưởng của biển vào sâu trong đất liền.
4. Tất cả các đáp án trên đều đúng

**Câu 5: Các đảo và quần đảo của Châu Đại Dương được gọi là “ thiên đường xanh” vì:**

1. Xung quanh đều là biển xanh
2. Có các rạn san hô dưới biển
3. Có nhiều dừa xanh ven đảo
4. Có rừng xích đạo, rừng mưa nhiệt đới, rừng dừa ven các đảo

**Câu 6***:* **Những nước công nghiệp mới có nền kinh tế phát triển nhất khu vực Trung và Nam Mĩ gồm:**

1. Braxin, Chi Lê , Pê ru B. Chi lê, Pê ru, Braxin , Ac – he – ti - na
2. Ac – he – ti – na, Pê ru D. Chi lê, Braxin, Ac – he – ti – na, Vê-nê-xu-ê-la

**II. Tự luận: (4 điểm)**

**Câu 1**: Phân biệt môi trường ôn đới lục địa và môi trường Địa Trung Hải về vị trí, đặc điểm khí hậu? **(2 điểm)**

**Câu 2**: Vì sao băng ở châu Nam Cực có xu hướng tan chảy? Sự tan băng ở châu Nam Cực sẽ ảnh hưởng tới đời sống của con người trên Trái đất như thế nào? Liên hệ ở Việt Nam.

**(2 điểm)**

**III. Thực hành: (3 điểm)**:

a/ Dựa vào bảng số liệu sau đây, em hãy vẽ biểu đồ cột thể hiện dân số của một số quốc gia ở Châu Đại Dương ( Năm 2001). **(2 điểm)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên nước** | **Dân số ( triệu người)** |
| **Pa-pua Niu Ghi-nê** | **5** |
| **Ô-xtrây-li-a** | **19,4** |
| **Va-nu-a-tu** | **0,2** |
| **Niu Di-len** | **3,9** |

b/ Căn cứ vào biểu đồ nhận xét và giải thích về sự chênh lệch số dân của các nước châu Đại Dương? **(1 điểm)**

***Học sinh làm bài ra giấy kiểm tra***

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM ĐỀ 1**

**I.PHẦN TRẮC NGHIỆM ( 3 điểm)**

*Mỗi câu đúng được 0,5 điểm. Với câu có nhiều đáp án , GV chỉ cho điểm khi học sinh trả lời đúng tất các đáp án.*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **A,B** | 1. **C** | 1. **C** | 1. **D** | 1. **D** | 1. **D** |

**II. PHẦN TỰ LUẬN (4 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **(2điểm)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Đáp án** | | | | ***Môi trường***  ***Đặc điểm*** | ***Ôn đới lục địa*** | ***Địa trung hải*** | | ***Vị trí*** | Nằm ở khu vực Đông Âu, chiếm diện tích lớn... **(0,5đ)** | Nằm ở Nam Âu (ven biển Địa Trung Hải) **(0,5đ)** | | ***Khí hậu*** | + Mùa hạ nóng; mùa đông lạnh, có tuyết rơi (nhiệt độ dưới 00c)  + Mưa ít, tập trung vào mùa hạ. | + Mùa hạ nóng, khô; mùa đông ấm áp có mưa nhiều  + Lượng mưa tập trung vào thu đông | | **1 điểm** |
| **0,5 điểm**  **0,5 điểm** |
| **Câu 2**  **(2điểm)** | - Băng ở châu Nam Cực có xu hướng tan chảy do Trái đất đang ngày càng nóng lên bởi hiện tượng Hiệu ứng nhà kính gia tăng.  - Băng ở châu Nam Cực tan chảy sẽ làm cho mực nước biển dâng cao, diện tích các lục địa bị thu hẹp lại, nhiều đảo bị nhấn chìm, các núi băng trôi gây nguy hiểm cho tàu bè qua lại trên biển…  - Liên hệ Việt Nam: + Các vùng đất ven biển, ven sông nhiễm mặn ngày càng nhiều và còn thiếu cả nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt. + Vùng Đồng bằng sông Cửu Long là một ví dụ điển hình: hàng trăm hecta ruộng bị nhiễm mặn phải bỏ hoang, người dân không có nước sinh hoạt. | **1 điểm**  **0,5 điểm**  **0,5 điểm** |

**III. PHẦN THỰC HÀNH: (3 điểm)**

-Học sinh vẽ đúng dạng biểu đồ, tỉ lệ hợp lý, đúng tên biểu đồ, sạch, đẹp. **(2đ)**

- Nhận xét: Dân số các nước châu Đại Dương rất ít và có sự chênh lệch lớn. Ô-xtrây-li-a là nước có dân số nhiều nhất (19,4 triệu người). Dân số ít nhất là Va-nu-a-tu (0,2 triệu người). Như vậy dân số Ô-xtrây-li-a gấp 97 lần dân số Va-nu-a-tu. **(0,5đ)**

- Giải thích sự chênh lệch số dân: Do Ô-xtrây-li-a là quốc gia duy nhất chiếm cả lục địa, với diện tích lên đến 7,74 triệu km2 gần bằng diện tích cả châu Đại Dương (khoảng 8,5 triệu km2), có lịch sử lâu đời nên dân cư tập trung đông. Còn các quốc đảo có khí hậu ôn hòa, mát mẻ hơn nhưng có lịch sử hình thành muộn hơn, diện tích nhỏ hẹp nên dân cư ít hơn. **(0,5đ)**

**BGH duyệt Tổ trưởng/ nhóm trưởng CM GV ra đề**

**Hoàng Thị Tuyết Phạm Thị Hương**

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LONG BIÊN**  **TỔ: TỰ NHIÊN** | **MỤC TIÊU – MA TRẬN**  **ĐỀ THI HỌC KÌ II MÔN ĐỊA LÍ 7** Năm học: 2017 – 2018  Tiết (ppct): 70  Thời gian làm bài: 45 phút  Ngày kiểm tra: 20/4/2018 |

**I.MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** Đánh giá sự tiếp thu của học sinh về :

* Đặc điểm tự nhiên và dân cư – kinh tế - xã hội của khu vực Trung và Nam Mĩ, Châu Đại Dương, Châu Nam Cực, Châu Âu.
* Vận dụng kiến thức đã học để giải thích các đặc điểm về địa hình, khí hậu, sinh vật của các châu lục. Liên hệ với những vấn đề thực tế.

2.**Kĩ năng:**

* Rèn kĩ năng vẽ biểu đồ cột thể hiện dân số của một số quốc gia ở Châu Đại Dương.
* Rèn kĩ năng trình bày bài, giải thích các đặc điểm tự nhiên, dân cư xã hội.

**3.Thái độ**

* Nghiêm túc trong khi thi và kiểm tra.
* Ý thức tự giác, chủ động trong học tập

**II.MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **CÁC MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ** | | | | | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| Khu vực Trung và Nam Mĩ | 2  1đ |  |  |  |  |  |  |  | **2**    **1đ** |
| Châu Nam Cực | 1  0,5đ |  |  | 1    2đ |  |  |  |  | **2**  **2,5đ** |
| Châu Đại Dương | 1  0,5đ |  | 1  0.5đ |  |  | 1  2đ |  | 1  1đ | **4**    **4đ** |
| Châu Âu |  | 1    2đ | 1  0.5đ |  |  |  |  |  | **2**  **2.5đ** |
| **Tổng** | **5**  **4đ** | | **3**  **3đ** | | **1**  **2đ** | | **1**  **1đ** | | **10**  **10đ** |